

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá hóa chất sinh hóa và điện giải dùng cho Khoa xét nghiệm

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ kết luận số 256/TB-UBND ngày 01/6/2023 của Chủ tịch UBND về việc tháo gỡ khó khăn trong công tác mua sắm thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế;

Bệnh viện YHCT tỉnh Bắc Giang có nhu cầu mua sắm một số hóa chất nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị. Để có căn cứ lập dự toán, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm gói thầu: Mua hóa chất sinh hóa và điện giải năm 2024 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang đảm bảo đúng theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang đề nghị các Công ty/ đơn vị có năng lực quan tâm gửi báo giá hóa chất theo danh mục, số lượng cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: Số 02 - Đường Nguyễn Danh Vọng – Phường Trần Nguyên Hãn – Thành phố Bắc Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ds Trần Mạnh Hùng – Chức vụ: Phó trưởng phòng Vật tư - TBYT – ĐT: 0988.447.368 – Email: tranhungduoc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp (hoặc qua bưu điện) tại địa chỉ: Bộ phận văn thư Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang. Địa chỉ: Số 02 - Đường Nguyễn Danh Vọng – Phường Trần Nguyên Hãn – Thành phố Bắc Giang.

- Nhận qua email: tranhungduoc@gmail.com

4. *Thời hạn tiếp nhận báo giá:* Từ 08h00 ngày 19/04/2024 đến trước 16h00 ngày 29/04/2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. *Thời hạn có hiệu lực của báo giá:* Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 19/04/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục, số lượng, đặc tính thông số kỹ thuật của các loại hóa chất xét nghiệm
(*Cụ thể theo phụ lục II, III đính kèm*)

***Lưu ý:**

- *Các đơn vị có thể chào loại hóa chất, hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn phù hợp với máy móc xét nghiệm tại đơn vị, Bệnh viện sẽ tham khảo lựa chọn theo nhu cầu sử dụng tại đơn vị và dự toán mua sắm được giao.*

- *Các đơn vị có thể chào các loại hóa chất hàng hóa của từng danh mục hoặc cả hai danh mục tùy theo năng lực của đơn vị.*

2. Địa điểm cung cấp: các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp hóa chất: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 60 ngày kể từ ngày có kết quả lựa chọn nhà thầu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TT đơn vị;
- Lưu: VT, VT-TBYT./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Quang Thi

**Phụ lục: Mẫu báo giá
BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang

1. Báo giá cho các hóa chất và thuốc thử liên quan:

STT	Tên hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, số lô, hạn sử dụng	Hãng sản xuất, xuất xứ, năm sản xuất	Đặc tính thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1							
2							
n							
	Tổng cộng						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

- Hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2023 trở lại đây; Thời gian bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất tại nơi sử dụng.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA HÃNG SẢN XUẤT/
NHÀ CUNG CẤP**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA AU480*(Kèm theo Thư mời báo giá số 166/TB-BV ngày 19 tháng 04 năm 2024)*

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người	30	ml	
2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người	30	ml	
3	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người	30	ml	
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Phương pháp: JAFFÉ COMPENSATED; Dải đo: 0.04-20 mg/dL	1200	ml	
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Phương pháp: Glucose oxidase/oxidase; Dải đo: 3.6 - 500 mg/dL (0.199 - 27.5 mmol/L)	3600	ml	
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM; Dải đo: 0.211 - 38 mg/dL (3.61 - 650 µmol/L)	600	ml	
7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM; Dải đo: 0.09 - 15 mg/dL	300	ml	
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Phương pháp: Cholesterol oxidase/oxidase; Dải đo: 4.2 - 1000 mg/dL (0.109 - 26 mmol/L)	3000	ml	

9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần	Phương pháp: Biuret; Dải đo:0.8-150 g/L	160	ml	
10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea-BUN UV	Phương pháp: Urease / Glutamate dehydroganase; Dải đo:4.49 - 300 mg/dL	600	ml	
11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm γ -Glutamyltransferase (γ -GT)	Phương pháp: IFCC; Dải đo:3.07 - 600 U/L	300	ml	
12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Phương pháp: Uricase / peroxidase; Dải đo: 18.5 - 1487 μ mol/L	600	ml	
13	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Phương pháp: Glycerol phosphate oxidase/peroxidase; Dải đo: 0.067 - 6.78 mmol/L	3600	ml	
14	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST/GOT)	Phương pháp: IFCC; Dải đo: 7.15 - 500 U/L	3000	ml	
15	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT/GPT)	Phương pháp: IFCC; Dải đo:8.5 - 500 U/L	3000	ml	
16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α -Amylase Direct	Phương pháp: Direct substrate; Dải đo:4.5 - 1300 U/L	160	ml	
17	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol HDL Direct	Phương pháp: DIRECT; Dải đo:0.048 - 5.18 mmol/L	1280	ml	
18	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	Phương pháp đo: Bromocresol green; Dải đo: 1.1 - 70 g/L	250	ml	
19	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa; Thành phần: Sodium Hypochlorite 5 - 10%; Chất vệ sinh cô đặc	450	ml	
20	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Chất vệ sinh cô đặc	10000	ml	

21	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1C-Direct	Phương pháp đo: DIRECT; Dải đo: 6 - 140 mmol/mol,	300	ml	
22	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c mức bình thường	Dạng bột đông khô, thành phần: máu ly giải hồng cầu từ người	3	ml	
23	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c mức bệnh lý	Dạng bột đông khô, thành phần: máu ly giải hồng cầu từ người	3	ml	
24	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1C Direct	Dạng bột đông khô, thành phần: máu người	1	ml	

PHỤ LỤC II HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI ISE-500

(Kèm theo Thư mời báo giá số 166/TB-BV ngày 19 tháng 04 năm 2024)

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật dưới đây hoặc tương đương	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH)	- Nồng độ: + Calibration A: K ⁺ 4 mmol/L, Na ⁺ 140 mmol/L, Cl ⁻ 100 mmol/L, Ca ²⁺ 1.25 mmol/L, pH 7.4 + Calibration B: K ⁺ 8 mmol/L, Na ⁺ 110 mmol/L, Cl ⁻ 70 mmol/L, Ca ²⁺ 2.5 mmol/L, pH 7 - Thành phần chính: Ammonium molybdate 0.4 mmol/l Sulphuric acid 100 mmol/l Hydrochloric acid 100 mmol/l - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	10	Hộp	
2	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng (Na, K, Cl, Ca, pH)	- Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl ₂ , LiCl, pH buffer, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản. - Đặc tính hiệu suất: + Trong khoảng CV: K ⁺ ≤1.5%, Na ⁺ ≤1.5%, Cl ⁻ ≤1.5%, Ca ⁺⁺ ≤1.5%, pH ≤1.0% + Giữa khoảng CV: K ⁺ ≤3.0%, Na ⁺ ≤3.0%, Cl ⁻ ≤3.0%, Ca ⁺⁺ ≤5.0%, pH ≤1.0% + Độ chính xác: K ⁺ ≤2.0%, Na ⁺ ≤1.5%, Cl ⁻ ≤3.0%, Ca ⁺⁺ ≤5.0%, pH ≤1.0% - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	2	Hộp	
3	Dung dịch điện cực dùng cho máy phân tích điện giải	- Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl ₂ , LiCl, chất đệm pH, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương	3	Hộp	